

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

ĐINH VĂN LƯƠNG

**MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN
TỔ QUỐC
TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
Mã số: 60 38 01 01**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. TRẦN NHỎ THÌN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM	7
1.1. Mặt trận Tổ quốc - Thành tố quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam	7
1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Mặt trận Tổ quốc qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam.....	7
1.1.2. Vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.....	10
1.1.3. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	13
1.1.4. Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam	20
1.2. Cơ sở pháp lý	26
1.2.1. Các văn bản pháp luật quy định mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.....	26
1.2.2. Những nội dung cơ bản thể hiện mối quan hệ pháp lý giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.....	29
Tiểu kết Chương 1	38
Chương 2: THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM	39

2.1.	Những hoạt động chủ yếu thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam...	39
2.1.1.	Phối hợp vận động nhân dân tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	39
2.1.2.	Phối hợp vận động nhân dân tham gia giám sát thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.....	48
2.1.3.	Phối hợp vận động nhân dân tham gia xây dựng pháp luật, phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân.....	57
2.1.4.	Phối hợp vận động nhân dân tham gia hoạt động tố tụng, tuyển chọn Thẩm phán, giới thiệu Hội thẩm nhân dân	63
2.1.5.	Phối hợp vận động nhân dân đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp, kiểm sát, giám sát các hoạt động tư pháp, tham gia hoạt động tố tụng, tuyển chọn Kiểm sát viên.....	68
2.2.	Những tồn tại, hạn chế trong mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam	73
2.2.1.	Những tồn tại, hạn chế	73
2.2.2.	Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế	80
	Tiểu kết Chương 2.....	82
	Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM	83
3.1.	Bối cảnh quốc tế, bối cảnh trong nước tác động tới tâm tư, tình cảm, đời sống của các tầng lớp nhân dân	83
3.2.	Quan điểm và phương hướng của Đảng, Nhà nước và Mặt trận tổ quốc nhằm tăng cường, phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam	89
3.3.	Một số giải pháp nhằm tăng cường, phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam	92

3.3.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.....	92
3.3.2. Cụ thể hoá vai trò của quần chúng nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh ...	95
3.3.3. Sửa đổi, bổ sung Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng làm rõ hơn địa vị pháp lý của Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị.....	98
3.3.4. Đổi mới nhận thức và hành động của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	99
3.3.5. Cần có hệ thống chế tài phù hợp khi không thực hiện quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc với bộ máy chính quyền các cấp	103
3.3.6. Trang bị cơ sở vật chất, nguồn tài chính ổn định, độc lập để Mặt trận Tổ quốc hoạt động thực sự có hiệu quả trong hệ thống chính trị Việt Nam	105
3.3.7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế...	107
Tiểu kết Chương 3	109
KẾT LUẬN	110
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	113

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong xã hội có rất nhiều những thiết chế chính trị - xã hội, giữa chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau, cùng tồn tại và hoạt động nhằm đảm bảo sự tồn tại, phát triển của toàn xã hội và bảo vệ lợi ích cũng như thực hiện mục đích của giai cấp thống trị xã hội. Liên minh các thiết chế đó chính là hệ thống chính trị. Mỗi xã hội đều có hệ thống chính trị riêng. Theo đó, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa chính là liên minh các thiết chế chính trị - xã hội được thành lập và hoạt động trong mối quan hệ chặt chẽ mà vai trò lãnh đạo thuộc về Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nhằm thực hiện triệt để quyền lực nhân dân, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa bao gồm Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể quần chúng khác.

Xây dựng hệ thống chính trị là nhằm thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Xây dựng hệ thống chính trị phải gắn liền với xây dựng chính quyền nhân dân, đây được coi là một tất yếu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, dựa trên nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh “Lấy dân làm gốc”. Thể chế chính trị của nước ta được tuân theo nguyên tắc, Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đây được coi là cơ chế chung trong quản lý xã hội nhằm khẳng định bản chất của Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên là nền tảng chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng lãnh đạo xã hội thông qua Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc là ngôi nhà chung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tập hợp, vận động các giai cấp, các tầng lớp

nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các thành phần kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tuyên truyền sâu rộng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc là mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau để cùng thực hiện nhiệm vụ chung của đất nước. Lịch sử hào hùng đã chứng minh, Mặt trận Tổ quốc là một tổ chức không thể thiếu trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Mặt trận Tổ quốc đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, là cầu nối bền chặt giữa nhân dân với Đảng với Nhà nước, luôn song hành cùng Nhà nước hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Tuy nhiên, trên thực tế, vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói chung và mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc nói riêng chưa được đánh giá đúng và đầy đủ, từ đó dẫn đến những hạn chế trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mặt khác, với tình hình quốc tế và trong nước hiện nay, thì việc tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân đã và đang trở thành nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng, cấp bách hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân ta. Đây cũng là lý do để tôi chọn đề tài ***“Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam”*** làm luận văn thạc sĩ khoa học, ngành Luật học, chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Như đã đề cập ở trên, để tăng cường và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân được coi là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng và cấp bách của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Do vậy, chủ đề này đã được nhiều công trình khoa học nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau, có thể kể đến một số công trình, bài viết như:

- *Đại đoàn kết dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* (Đỗ Mười - Lê Quang Đạo), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

- *Đại đoàn kết dân tộc phát huy nội lực nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế thực hiện công nghiệp, hiện đại hoá đất nước* (Vũ Oanh), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.

- *Đại đoàn kết dân tộc - động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), Kỷ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn, Hà Nội, 2002.

- *Lịch sử Mặt trận dân tộc Thống nhất Việt Nam*, quyển III (1975-2004), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007.

- *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn công tác Mặt trận*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

- *Phát huy sức mạnh Đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh* (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), Kỷ yếu Hội thảo khoa học - thực tiễn, Hà Nội, 2005.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.

- *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết với vấn đề phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004...

Ngoài ra, trên các sách, tạp chí khoa học, báo... cũng có một số bài viết, nghiên cứu về mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể khác.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu của các tác giả từ trước đến nay đã góp phần rất lớn trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước nói chung, cũng như mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này chưa nhiều nên chưa đáp

ứng được yêu cầu trước tình hình thực tiễn của đất nước. Đặc biệt, chưa có một công trình chuyên khảo trực tiếp nào về mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

3. Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Từ những lý luận và thực tiễn mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam, tăng cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam, đặc biệt trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nêu lên những nội dung về mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá những kết quả đạt được cũng như những mặt hạn chế, tồn tại trong mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong thời gian qua, đồng thời chỉ rõ những nguyên nhân của hạn chế, tồn tại.

- Đề xuất các giải pháp, kiến nghị có tính khả thi nhằm tăng cường, phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu và cơ sở lý luận

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu dựa trên phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp khác như khảo cứu, phân tích, so sánh, tổng hợp... các tài liệu liên quan.

4.2. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận chủ yếu là các Văn kiện Đại hội Đảng, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng; các Văn bản quy phạm pháp luật về

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các bài phát biểu của các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam qua các thời kỳ; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các khoá III, IV, V, VI, VII; Văn kiện các Hội nghị Đoàn chủ tịch, Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hàng năm, các khoá III, IV, V, VI, VII.

Ngoài ra, nguồn tài liệu là các báo cáo công tác hàng tháng, hàng quý, hàng năm và báo cáo chuyên đề của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được lưu giữ tại cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; một số công trình nghiên cứu về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Đóng góp mới về khoa học của đề tài

Đề tài sau khi được hoàn thành sẽ có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn trên các nội dung cụ thể sau:

- Về mặt lý luận: Luận văn đề cập tới mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam nhằm tăng cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Về mặt thực tiễn: Luận văn sẽ đưa ra các giải pháp mang tính khả thi nhằm tăng cường và phát huy hơn nữa mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam, từ đó nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy hơn nữa tinh thần và quyền làm chủ của nhân dân, đặc biệt trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

6. Kết cấu của luận văn

Luận văn gồm 3 chương

- *Chương 1*: Cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý về mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

- *Chương 2*: Thực trạng mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

- *Chương 3*: Một số giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

1.1. Mặt trận Tổ quốc - Thành tố quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Mặt trận Tổ quốc qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam

Từ Hội phản đế đồng minh - hình thức tổ chức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, đến nay Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã trải qua lịch sử hơn 80 năm xây dựng và không ngừng phát triển cùng với những chặng đường lịch sử vẻ vang của Cách mạng Việt Nam.

Tháng 10/1930 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã thông qua Luận cương chính trị, đồng thời ra “Án nghị quyết về vấn đề phản đế”. Ngày 18/11/1930 Ban thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra chỉ thị thành lập **Hội phản đế đồng minh**. Bản Chỉ thị đã đề ra những nội dung cơ bản về tính chất, nhiệm vụ và những biện pháp xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất trên cơ sở phân tích hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, đặc biệt là mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp. Bản chỉ thị xác định Hội phản đế đồng minh phải bảo đảm tính công nông, đồng thời phải mở rộng tới các thành phần trong dân tộc để Mặt trận thực sự là của toàn dân.

Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), Đảng đã lần lượt thành lập **Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương** (sau đổi tên thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương, gọi tắt là Mặt trận dân chủ Đông Dương), **Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế**, **Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng Minh** (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh). Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập họp ở Tân Trào trong 2 ngày 16 và 17/8/1945 đã nhiệt liệt tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa do

Đảng Cộng sản kiến nghị, thông qua lệnh khởi nghĩa và 10 chính sách lớn của Việt Minh, quyết định Quốc kỳ, Quốc ca. Đại hội đã cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, sau này trở thành Chính phủ của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà.

Ngày 29/5/1946, **Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt)** tuyên bố thành lập. Thực hiện lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt đã ra sức tuyên truyền vận động nhân dân tham gia kháng chiến. Ngày 3/3/1951, Đại hội toàn quốc Mặt trận thống nhất Việt Minh - Liên Việt lấy tên là **Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam** (gọi tắt là **Mặt trận Liên Việt**) được tiến hành. Qua 9 năm kháng chiến, Mặt trận Liên Việt trở thành một trong những trụ cột của Nhà nước dân chủ nhân dân, là sức mạnh vô biên của công cuộc kháng chiến, kiến quốc.

Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp tại Hà Nội ngày 10/9/1955 đã quyết định thành lập **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam** và thông qua Cương lĩnh nhằm đoàn kết mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình trong cả nước để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

Từ cao trào đấu tranh của nhân dân miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, ngày 20/12/1960, **Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam** ra đời với bản Tuyên ngôn và Chương trình hành động 10 điểm, nội dung cơ bản là đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân với mục tiêu đấu tranh “Phải hoà bình! Phải độc lập! Phải dân chủ! Phải cơm no, áo ấm! Thống nhất tổ quốc!” nhằm đánh đổ chế độ độc tài tay sai của đế quốc Mỹ.

Ngày 20/4/1968 trên cơ sở thắng lợi và khí thế của Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, **Liên minh các lực lượng dân tộc dân chủ và hoà bình Việt Nam** ra đời, nhằm đoàn kết, tranh thủ sự ủng hộ của tầng lớp trí thức, tư sản dân tộc tiến bộ ở thành thị, đã mở rộng thêm một bước Mặt trận chống Mỹ cứu nước.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 toàn thắng. Sau khi

thống nhất đất nước, từ ngày 31/1 đến 4/2/1977, tại thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam quyết định thống nhất 3 tổ chức Mặt trận ở hai miền lấy tên chung là **Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**. Cho đến nay Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã trải qua 7 kỳ Đại hội.

1.1.2. Vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thể hiện vị trí và vai trò của mình thông qua các chức năng cơ bản sau đây:

- *Chức năng phản ánh yêu cầu, nguyện vọng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của quần chúng nhân dân*

- *Chức năng tuyên truyền, thuyết phục, tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*

- *Chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với các cơ quan, cán bộ viên chức Nhà nước và hệ thống chính trị*

Thực chất và mục tiêu cơ bản của việc thực hiện ba chức năng đó là tạo nên một cơ chế giám sát quyền lực trong xã hội, làm cho sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước bảo đảm thực hiện yêu cầu dân chủ hoá, chống chủ nghĩa quan liêu và chủ quan duy ý chí trong mọi hoạt động.

1.1.3. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- *Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam:*

+ *Thứ nhất, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*

+ *Thứ hai, Quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất trên cơ sở có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.*

+ *Thứ ba, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa*

nhận và thể hiện vị trí tối thượng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội; tổ chức và hoạt động của Nhà nước thực hiện trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật.

+ Thứ tư, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện mối quan hệ qua lại giữa nhà nước với công dân, giữa nhà nước và xã hội, tôn trọng bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

+ Thứ năm, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm và thực hiện nghiêm chỉnh và có thiện chí các cam kết quốc tế.

+ Thứ sáu, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Nhân dân tham gia xây dựng các tổ chức, bộ máy của hệ thống quyền lực nhà nước và lực chọn các đại biểu của mình bằng bầu cử, theo phương thức dân chủ đại diện, từ bầu cử Quốc hội đến bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

+ Nhân dân tham gia các công việc quản lý nhà nước để thực hiện quyền lực của mình.

+ Nhân dân tham gia đánh giá chính sách của nhà nước, đưa ra những kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của mình.

+ Nhân dân đánh giá, nhận xét và chất vấn về hoạt động của các cơ quan nhà nước, về thực hiện nhiệm vụ của các đại biểu được nhân dân ủy quyền, giám sát công việc, hành vi, tư cách của họ thể hiện trong mối quan hệ với quần chúng nhân dân.

+ Nhân dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân

+ Nhân dân có quyền đòi các tổ chức, cơ quan nhà nước và cán bộ công chức, đặc biệt là những người có chức, có quyền, có trọng trách do nhân dân uỷ thác phải cung cấp thông tin kịp thời theo đúng quy định được ban hành cho dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra

1.1.4. Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc là hai tổ chức cùng nằm trong hệ thống chính trị. Tuy có vị trí và vai trò khác nhau, nhưng cùng chung một mục tiêu, một điểm tương đồng đó là vì lợi ích của dân tộc, vì lợi ích của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện rộng rãi nhất của các tổ chức và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, các thành phần kinh tế và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Do đặc điểm này mà Mặt trận Tổ quốc có những điều kiện để phối hợp với Nhà nước tập hợp, vận động đông đảo các tầng lớp nhân dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp tham gia xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền.

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức lãnh đạo vừa là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đây là một nét độc đáo trong lý luận và thực tiễn cách mạng nước ta. Đảng là một thành viên của Mặt trận nhưng với tư cách là thành viên giữ vai trò lãnh đạo, thông qua Mặt trận để tập hợp các lực lượng quần chúng nhân dân tự nguyện theo Đảng làm cách mạng.

Nhà nước dựa vào Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng để phát huy quyền làm chủ và sức mạnh có tổ chức của nhân dân, tôn trọng và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua đoàn thể của mình tham gia xây dựng, quản lý và bảo vệ nhà nước. Đó cũng là sức mạnh của bản thân nhà nước.

1.2. Cơ sở pháp lý

1.2.1. Các văn bản pháp luật quy định mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

- *Hiến pháp(sửa đổi)* năm 2013, quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam

định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1999:*

Việc Quốc hội ban hành Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có một ý nghĩa rất quan trọng nhằm tạo cơ sở pháp lý để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục nâng cao vai trò của mình trong sự nghiệp đổi mới đất nước, góp phần thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tính tích cực, sự sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững mạnh.

- *Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001*, quy định: Chính phủ phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; tạo điều kiện để các tổ chức đó hoạt động có hiệu quả.

- *Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003* quy định: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tổ chức, vận động nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, viên chức nhà nước; trong quá trình giám sát hoạt động của đại biểu, Mặt trận đề nghị Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân khi không còn xứng đáng với tín nhiệm của nhân dân.

- *Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 1997*, quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội; tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử, giám sát việc bầu cử đại biểu Quốc hội và các giai đoạn khác của cuộc bầu cử.

- *Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2003*, quy định: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở địa phương tổ chức hiệp thương lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, tham gia các tổ chức phụ trách bầu cử, giám sát việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và các giai đoạn khác của cuộc bầu cử.

- *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002*, quy định: Tòa án phối hợp với các cơ quan, trong đó có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để nghiên cứu, thực hiện những chủ trương, biện pháp nhằm phòng ngừa và chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan duy nhất có thẩm quyền giới thiệu người để Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu làm Hội thẩm nhân dân tại Tòa án nhân dân địa phương.

1.2.2. Những nội dung cơ bản thể hiện mối quan hệ pháp lý giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

- *Phối hợp vận động nhân dân tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân*

- *Phối hợp vận động nhân dân tham gia giám sát thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*

- *Phối hợp vận động nhân dân tham gia xây dựng pháp luật, phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân*

- *Phối hợp vận động nhân dân tham gia tố tụng, tuyển chọn Thẩm phán, giới thiệu Hội thẩm nhân dân*

Tiểu kết Chương 1

Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam được quy định ở nhiều văn bản pháp luật như: Hiến pháp, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Giám sát của Quốc hội...

Chương 2

THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

2.1. Những hoạt động chủ yếu thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

2.1.1. Phối hợp vận động nhân dân tham gia công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Để cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành tốt nhất, nhằm thực hiện sự phối hợp giữa Mặt trận và chính quyền trong việc vận động nhân dân tham gia bỏ phiếu lựa chọn đại biểu tin cậy nhất của mình, tất yếu phải thực hiện theo các yêu cầu như sau:

Thứ nhất, Mặt trận phải lựa chọn, giới thiệu được những người đủ tiêu chuẩn ra ứng cử qua các bước hiệp thương theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, Mặt trận Tổ quốc phải phối hợp với các tổ chức phụ trách bầu cử (Hội đồng bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử) để làm tốt công tác tổ chức bầu cử theo các quy định của pháp luật.

Thứ ba, Mặt trận Tổ quốc thực hiện quyền giám sát cuộc bầu cử.

Thứ tư, Mặt trận Tổ quốc cần phối hợp với các cơ quan chức năng để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân bằng các hình thức phong phú, đa dạng, thiết thực về cuộc bầu cử.

2.1.1.1. Về công tác hiệp thương, lựa chọn giới thiệu những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Thứ nhất, do tính chất liên minh, liên hiệp rộng rãi của tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Thứ hai, xuất phát từ nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - *hiệp thương dân chủ, phối*

2.1.1.2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức các hội nghị cử tri nơi cư trú, các cuộc tiếp xúc giữa cử tri với những người ứng cử

2.1.13. *Tham gia tuyên truyền, vận động cử tri thực hiện pháp luật về bầu cử*

2.1.2. *Phối hợp vận động nhân dân tham gia giám sát thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*

2.1.2.1. *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tham gia phối hợp với chính quyền trong việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân những chủ trương của Đảng, những quy định của Nhà nước về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở*

2.1.2.2. *Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên phối hợp với các cấp uỷ Đảng, chính quyền để từng bước đưa Quy chế dân chủ đến với mọi người dân và đi vào cuộc sống*

2.1.2.3. *Hoạt động giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*

Qua hơn 15 năm triển khai, xây dựng Quy chế thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, có thể khẳng định Quy chế đã mang lại nhiều kết quả rất tích cực trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội ở cơ sở.

2.1.3. *Phối hợp vận động nhân dân tham gia xây dựng pháp luật, phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân*

2.1.3.1. *Phối hợp vận động nhân dân tham gia xây dựng pháp luật*

Trong những năm gần đây hoạt động tham gia xây dựng pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từng bước được triển khai về cơ sở, điển hình là các cuộc tổ chức lấy ý kiến nhân dân vào các dự án luật như: Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Luật Tố tụng Hình sự (sửa đổi), Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và Gia đình...

2.1.3.2. *Phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho nhân dân*

Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia tuyên truyền, động viên nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phối hợp, tham gia với cơ quan Nhà nước tổ chức các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, vận động nhân dân đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau phát triển kinh tế,

xây dựng đời sống văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

2.1.4. Phối hợp vận động nhân dân tham gia hoạt động tổ tụng, tuyển chọn Thẩm phán, giới thiệu Hội thẩm nhân dân

2.1.4.1. Hoạt động tổ tụng

2.1.4.2. Tuyển chọn Thẩm phán

2.1.4.3. Giới thiệu Hội thẩm nhân dân

2.1.5. Phối hợp vận động nhân dân đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp, kiểm sát, giám sát các hoạt động tư pháp, tham gia hoạt động tổ tụng, tuyển chọn Kiểm sát viên

2.1.5.1. Phối hợp vận động nhân dân xây dựng pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật

2.1.5.2. Đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp, kiểm sát, giám sát các hoạt động tư pháp

2.1.5.3. Tham gia hoạt động tổ tụng, tuyển chọn Kiểm sát viên

2.2. Những tồn tại, hạn chế trong mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

2.2.1. Những tồn tại, hạn chế

- Còn một bộ phận nhân dân chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác tham gia xây dựng chính quyền

- Việc tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri cũng còn nhiều bất cập. Hầu hết thành phần cử tri tham dự các cuộc tiếp xúc là cử tri đại diện cho các cơ quan, tổ chức, đoàn thể ở cơ sở. Mặt khác, số lượng các cuộc tiếp xúc cử tri ở một số địa phương còn ít

- Công tác giám sát bầu cử cũng còn hình thức và kết quả chưa cao.

- Việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử cũng có một số khó khăn, hạn chế nhất định.

- Mặt trận Tổ quốc ở một số nơi còn tham gia chưa thường xuyên và chưa chủ động phối hợp với chính quyền trong việc thực hiện Quy chế dân chủ.

- Những quy định trong Hiến pháp và pháp luật về quyền làm chủ của nhân dân đã có không ít, là đúng đắn và cụ thể nhưng lại thiếu những điều quy định ràng buộc để thực hiện trên thực tế những quy định đó

- Việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân vào các dự án luật còn khá hình thức, chưa thực sự phát huy được trí tuệ của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

- Sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc với các cơ quan Nhà nước còn nhiều hạn chế

2.2.2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

** Nguyên nhân chủ quan*

- Nhận thức trong hệ thống chính trị chưa đầy đủ và thống nhất về cơ sở của mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc, tính chất, nội dung, quyền và trách nhiệm của mỗi bên trong mối quan hệ giữa cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở mỗi cấp, nhất là cấp huyện và cơ sở. Bản thân cán bộ Mặt trận còn tư ti, e dè trong việc thực hiện các mối quan hệ phối hợp.

** Nguyên nhân khách quan*

- Ở nhiều nơi, sự chủ động phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong công tác xây dựng và củng cố chính quyền còn yếu, đặc biệt là ở cấp địa phương (giữa Mặt trận Tổ quốc và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp), do vậy gây khó khăn trong việc phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, từ đó dẫn đến hạn chế trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Tiểu kết Chương 2

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ MẶT TRẬN TỔ QUỐC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

3.1. Bối cảnh quốc tế, bối cảnh trong nước tác động tới tâm tư, tình cảm, đời sống của các tầng lớp nhân dân

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế tạo cho nước ta vị thế mới với những thuận lợi và cơ hội to lớn cùng những khó khăn và thách thức gay gắt trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

3.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng, Nhà nước và Mặt trận tổ quốc nhằm tăng cường, phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

Trong điều kiện chỉ có duy nhất một chính đảng cầm quyền, để bảo đảm và phát huy chế độ dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân, Đảng ta cần phải có phương thức lãnh đạo. Chỉ có dân chủ thực sự mới có thể đoàn kết được nhân dân, từ đó đồng thuận xã hội mới được củng cố và nâng cao.

3.3. Một số giải pháp nhằm tăng cường, phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

3.3.1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vị trí, vai trò, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân.

3.3.2. Cụ thể hoá vai trò của quần chúng nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh

Các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc đảm bảo các điều kiện cho Mặt trận Tổ quốc hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ trong hệ thống chính trị

3.3.3. Sửa đổi, bổ sung Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo hướng làm rõ hơn địa vị pháp lý của Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị

Bổ sung quy định về nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

3.3.4. Đổi mới nhận thức và hành động của Mặt trận Tổ quốc các cấp trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay

Thực tiễn cách mạng đã chỉ ra rằng, cán bộ là vấn đề cốt lõi của mọi công việc, là nhân tố quyết định đến sự thành bại của toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Ở đâu có cán bộ có năng lực, trình độ và tâm huyết thì ở đó mọi phong trào, mọi công việc sẽ phát triển và có hiệu quả.

3.3.5. Cần có hệ thống chế tài phù hợp khi không thực hiện quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc với bộ máy chính quyền các cấp

Để tạo hành lang pháp lý cho sự phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và chính quyền nhân dân, tất yếu cần phải có hệ thống chế tài phù hợp khi các bên không thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc với bộ máy chính quyền các cấp, nhằm đảm bảo tính công bằng, nghiêm minh của luật pháp.

3.3.6 Trang bị cơ sở vật chất, nguồn tài chính ổn định, độc lập để Mặt trận Tổ quốc hoạt động thực sự có hiệu quả trong hệ thống chính trị Việt Nam

Mặt trận Tổ quốc phải được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất cũng như nguồn tài chính ổn định, độc lập như các thành tố khác trong hệ thống chính trị. Bảo đảm kinh phí hoạt động cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phù hợp với thực tiễn công tác vận động quần chúng.

3.3.7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế

Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tính tiên phong gương mẫu của

cán bộ, đảng viên; phát huy tính năng động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc phù hợp với tôn chỉ, mục đích và tính chất chính trị - xã hội của Mặt trận trong công tác tập hợp quần chúng.

Tiểu kết Chương 3

Tại Chương 3, tác giả luận văn đã đề xuất nhóm các giải pháp nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị, trong đó có các giải pháp mang tính chiến lược, lâu dài, có các giải pháp cần triển khai ngay để tăng cường, phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

KẾT LUẬN

Nhằm tập hợp, đoàn kết các lực lượng trong xã hội tham gia đấu tranh chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc, ngày 18/11/1930 Ban Thường vụ Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị thành lập Hội phản đế đồng minh. Bản Chỉ thị đã xác định Hội phản đế đồng minh phải bảo đảm tính công nông, đồng thời phải mở rộng tới các thành phần trong dân tộc để Mặt trận thực sự là của toàn dân.

Từ quan điểm quan trọng này của Đảng, các Hội đại diện cho các lực lượng trong xã hội đã lần lượt được thành lập với tên gọi khác nhau, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân trong xã hội làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt đã góp phần quan trọng vào thành công của Cách mạng tháng Tám 1945, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, tổ chức đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân tiếp tục phát huy vai trò của mình trong kháng chiến kiến quốc. Ở miền Bắc, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp tại Hà Nội ngày 10/9/1955 đã quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thông qua cương lĩnh

nhằm đoàn kết mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình trong cả nước để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, từ ngày 31/01 đến 04/02/1977, tại thành phố Hồ Chí Minh, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam quyết định thống nhất 3 tổ chức Mặt trận ở 2 miền lấy tên chung là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Với vai trò là tổ chức tập hợp, đoàn kết rộng rãi các lực lượng chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, các thành phần kinh tế và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được khẳng định vị trí ngay từ trong Hiến pháp đầu tiên của nước ta. Sau mỗi lần bổ sung, sửa đổi Hiến pháp, vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục được khẳng định và xác định rõ hơn.

Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam được đánh giá là hết sức quan trọng và cấp bách, đặc biệt trong giai đoạn cách mạng hiện nay, thể hiện đúng bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thể hiện mục tiêu lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam và khát vọng của cả dân tộc Việt Nam. Vận hành của thể chế chính trị nước ta là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, thì vai trò của Mặt trận Tổ quốc là vô cùng to lớn. Mặt trận Tổ quốc là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

Sau gần 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với những thành tựu to lớn của đất nước đã làm cho cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp, các tầng lớp nhân dân thay đổi nhanh chóng, nhu cầu về đời sống vật chất, tinh thần, về thông tin, về dân chủ không ngừng tăng lên; mặt khác, nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, sự phân hoá giàu nghèo, phân cực, phân tầng xã hội... tác động đến tâm tư, tình cảm, đời sống của cán bộ, đảng viên và

nhân dân. Những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đang làm tổn hại đến uy tín của Đảng và Nhà nước, làm giảm sút niềm tin của nhân dân. Lợi dụng những khó khăn của nước ta trên con đường phát triển, các thế lực thù địch đang đẩy mạnh các hoạt động “diễn biến hoà bình”, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân; chia rẽ mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Trong khi đó, công tác xã hội, công tác quần chúng của Đảng hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra, đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở.

Do vậy, việc nâng cao vai trò và phát huy quyền làm chủ của nhân dân là việc mà Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc phải đặc biệt chú trọng, coi đây là phương hướng chiến lược để xây dựng đất nước, trong đó thể hiện cao nhất là việc vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, khó khăn, luận văn đã đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường và phát huy mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt Nam, như đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng; đảm bảo sự quản lý - điều hành của Nhà nước; đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân; đảm bảo sự đồng bộ trong phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc và chính quyền các cấp; hoàn thiện cơ sở pháp lý, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất. Trong đó tác giả đặc biệt chú trọng: chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng phải ưu việt hơn về dân chủ và Đảng ta phải nắm chắc ngọn cờ dân chủ.

Như vậy, về cơ bản, tác giả đã hoàn thành những mục tiêu đề ra khi nghiên cứu “*Mối quan hệ giữa Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc trong hệ thống chính trị Việt nam*”. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một đề tài luận văn thạc sĩ, những vấn đề tác giả đặt ra mới chỉ mang tính chất gợi mở, lý luận. Hy vọng trong thời gian tới tính khả thi mà tác giả đã gợi mở trong luận văn sẽ là vấn đề cần thiết đặt ra cho các nhà khoa học và những người làm công tác thực tiễn.